

Số:199/2020/QĐST-HNGĐ

Việt Yên, ngày 30 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 249/2020/TLST – HNGĐ ngày 06/10/2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trung Q– Sinh năm 1989

HKTT: Thôn X, xã H, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T– Sinh năm 1986

HKTT: Thôn X, xã H, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Việt Yên do ông Tạ Quang P – Giám đốc đại diện.

Địa chỉ: Số 418, H, thị trấn B, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Mạnh N – Giám đốc phòng giao dịch T.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55; điều 57; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 12; Điều 26; Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2020;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện ly hôn và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Trung Q và chị Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Trung Q và chị Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

* Con chung: Anh Nguyễn Trung Q và chị Nguyễn Thị T xác nhận vợ chồng có 04 con chung là cháu Nguyễn Trung P, sinh ngày 06/6/2009, cháu Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 08/12/2012, cháu Nguyễn Trung Bảo A, sinh ngày 06/3/2014 và cháu Nguyễn Trung Bảo L, sinh ngày 11/7/2017. Ly hôn, vợ chồng thống nhất thỏa thuận: Anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Trung P, Nguyễn Thị Thùy T, Nguyễn Trung Bảo A và Nguyễn Trung Bảo L. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh Q chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

* Về tài sản chung, ruộng canh tác: Anh Q chị T thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về công nợ: Anh Q, chị T và ông N thống nhất thỏa thuận: Anh Q có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Việt Yên số tiền gốc theo Hợp đồng tín dụng số 2503-LAV-202002457 là 300.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký tạm tính đến ngày 20/11/2020 là 12.246.575 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 20/11/2020 là 312.246.575 đồng. Anh Q còn tiếp tục phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 21/11/2020 theo Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Án phí: Anh Nguyễn Trung Q chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm nhưng anh Q thuộc đối tượng hộ cận nghèo nên được miễn án phí. Hoàn trả anh Q số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001360 ngày 06/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

Anh Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Việt Yên phải chịu 3.903.000 đồng án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001447 ngày 20/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

Hoàn trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Việt Yên số tiền tạm ứng án phí còn thừa 3.597.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0001447 ngày 20/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên

